

Số: 463/ĐA-YDHP

Hải Phòng, ngày 02 tháng 6 năm 2023

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2023

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án):

- Tên trường: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Mã trường: **YPB**
- Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm - Ngô Quyền - Hải Phòng
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: : hpmu.edu.vn
- Địa chỉ các trang mạng xã hội (có thông tin tuyển sinh):
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02253.731.168
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Quy-Che-Cong-Khai/>

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Y khoa	Đại học	500	463	394	94.8%
Y học dự phòng	Đại học	60	28	35	92.3%
Y học cổ truyền	Đại học	70	65	44	92.7%
Dược học	Đại học	150	152	97	98.7%
Điều dưỡng	Đại học	200	128	82	97.1%
Răng - Hàm - Mặt	Đại học	80	80	57	95.3%
Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	80	81	70	96.4%
Tổng		1140	997	779	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/>

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành VI						
- Y đa khoa						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	350	301	26.9	350	286	26.2
+ Tổ hợp: Toán, Lý, Hóa	150	178	25.8	150	177	25.6
- Y học dự phòng						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	60	64	22.35	60	28	19.10
- Y học cổ truyền						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	70	59	24.35	70	65	21.00
- Răng hàm mặt						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	80	79	26.7	80	80	26.00
- Dược học						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	60	59	25.95	60	59	25.30
+ Tổ hợp: Toán, Lý, Hóa	60	59	25.25	60	60	25.10
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Anh	30	34	26.05	30	33	24.30
- Điều dưỡng						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	200	191	23.25	200	128	19.05
- Kỹ thuật Xét nghiệm y học						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	80	83	25.05	80	81	23.45
Tổng	1140	1107		1140	997	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo: <http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/>

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Y khoa	7720101	12/2001/QĐ-BGDĐT	26/04/2001	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		1979	2022
2	Y học cổ truyền	7720115	4605/QĐ-BGDĐT	16/10/2014	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2015	2022
3	Điều dưỡng	7720301	5235/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	14/09/2004	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2005	2022
4	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	3531/QĐ-BGDĐT	09/11/2020				2021	2022
5	Y tế công cộng	8720701	4304/QĐ/BGDĐT	20/07/2004	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2005	2022
6	Dược học	7720201	2532/QĐ-BGDĐT	22/06/2011	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2012	2022
7	Nội khoa	8720107	7610/QĐ/BGDĐT	25/12/2006	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2007	2022
8	Nội khoa	9720107	1331/QĐ/BGDĐT	19/04/2017	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2017	2022
9	Nhi khoa	8720106	7610/QĐ/BGDĐT	25/12/2006	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2007	2022
10	Y học dự phòng	7720110	1851/QĐ-BGDĐT	13/04/2007	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2007	2022
11	Răng - Hàm - Mặt	7720501	1278/QĐ-BGDĐT	24/03/2008	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2009	2022
12	Y tế công cộng	9720701	4386/QĐ/BGDĐT	23/09/2011	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2012	2022
13	Ngoại khoa	8720104	2991/QĐ/BGDĐT	29/05/2008	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2008	2022
14	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8720601	1776/QĐ-BGDĐT	24/06/2019				2019	2022
15	Ngoại khoa	9720104	1331/QĐ/BGDĐT	19/04/2017	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2017	2022
16	Nhi khoa	9720106	2003/QĐ/BGDĐT	04/06/2014	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2014	2022
17	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	2899/QĐ-BGDĐT	13/04/2009	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2009	2022
18	Y học biển	8729004	4385/QĐ/BGDĐT	23/09/2011	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2012	2022

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng:

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Quy-Che-Cong-Khai/>

10.1 Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học):

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		121
1	Tiến sĩ		30
1.1	Sức khỏe		30
1.1.1	Ngoại khoa	9720104	11
1.1.2	Nhi khoa	9720106	9
1.1.3	Nội khoa	9720107	2
1.1.4	Y tế công cộng	9720701	8
2	Thạc sĩ		91
2.1	Sức khỏe		91
2.1.1	Ngoại khoa	8720104	13
2.1.2	Nhi khoa	8720106	24
2.1.3	Nội khoa	8720107	14
2.1.4	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	12
2.1.5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8720601	15
2.1.6	Y tế công cộng	8720701	10
2.1.7	Y học biển	8729004	3
B	ĐẠI HỌC		6526
3	Đại học chính quy		6036
3.1	Chính quy		5632
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		5632
3.1.2.1	Sức khỏe		5632
3.1.2.1.1	Y khoa	7720101	3061
3.1.2.1.2	Y học dự phòng	7720110	210
3.1.2.1.3	Y học cổ truyền	7720115	365
3.1.2.1.4	Dược học	7720201	665
3.1.2.1.5	Điều dưỡng	7720301	564
3.1.2.1.6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	463
3.1.2.1.7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	304
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		352
3.2.1	Sức khỏe		352
3.2.1.1	Y khoa	7720101	352
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		52
3.3.1	Sức khỏe		52
3.3.1.1	Dược học	7720201	52
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4	Đại học vừa làm vừa học		490

4.1	Vừa làm vừa học		
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		490
4.3.1	Sức khỏe		490
4.3.1.1	Điều dưỡng	7720301	389
4.3.1.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	101
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
5	Từ xa		

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- Tổng diện tích đất của trường: 52115.9 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 405 phòng - 2650 sinh viên.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 4.94 m²/01 sinh viên.

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	143	8996.1
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	944
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	500
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	28	1999.5
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	2	86.3
1.5	Số phòng học đa phương tiện	17	2253.5
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	90	3212.8
2	Thư viện, trung tâm học liệu	9	1001.2
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	231	10820.3
	Tổng	526	29813.7

10.3. Số lượng giảng viên toàn thời gian:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ, CKII	Thạc sĩ, CKI	Đại học	Tổng cộng
1	Y khoa	7720101	3	14	27	131	65	240
2	Y học dự phòng	7720110	0	3	8	5	2	18
3	Y học cổ truyền	7720115	0	1	7	12	3	23
4	Dược học	7720201	0	2	8	35	0	45
5	Điều dưỡng	7720301	0	1	5	32	2	40
6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	0	2	8	13	6	29
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	0	0	6	18	6	30
	Tổng cộng		3	23	69	246	84	425

10.4. Số lượng giảng viên thỉnh giảng:

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ, CKII	Thạc sĩ, CKI	Đại học	Tổng cộng
1	Y khoa	7720101	7	23	152	37	0	219
2	Y học dự phòng	7720110	0	4	21	16	0	41
3	Y học cổ truyền	7720115	0	1	11	11	0	23
4	Dược học	7720201	0	2	3	14	0	19
5	Điều dưỡng	7720301	0	1	9	8	22	40
6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	1	8	11	1	0	21
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	0	0	7	4	1	12
	Tổng cộng		8	39	214	91	23	375

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Năm 2023 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng không tổ chức thi tuyển.

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Năm 2023 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng không tổ chức thi tuyển.

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Theo quy định tại điều 5 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đối với tất cả các ngành.

- Phương thức 2: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8) đối với tất cả các ngành.

- Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) lớp 12 theo tổ hợp môn đăng kí xét tuyển đối với ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng.

- Phương thức 4: Sử dụng phương thức khác (Xét tuyển thí sinh hoàn thành chương trình Dự bị đại học).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đại học	7720101A	Y khoa (A)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	175	A00	Toán, Lý, Hóa
2	Đại học	7720101B	Y khoa (B)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	375	B00	Toán, Hóa, Sinh
3	Đại học	7720110	Y học dự phòng	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	42	B00	Toán, Hóa, Sinh
4	Đại học	7720110	Y học dự phòng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	18	B00	Toán, Hóa, Sinh
5	Đại học	7720115	Y học cổ truyền	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	70	B00	Toán, Hóa, Sinh

6	Đại học	7720201A	Dược học (A)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	80	A00	Toán, Lý, Hóa
7	Đại học	7720201B	Dược học (B)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	80	B00	Toán, Hóa, Sinh
8	Đại học	7720201D	Dược học (D)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	40	D07	Toán, Hóa, Anh
9	Đại học	7720301	Điều dưỡng	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	140	B00	Toán, Hóa, Sinh
10	Đại học	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	60	B00	Toán, Hóa, Sinh
11	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	80	B00	Toán, Hóa, Sinh
12	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển thẳng theo QC tuyển sinh (Điều 8); Sử dụng phương thức khác	80	B00	Toán, Hóa, Sinh

1.5. Ngưỡng đầu vào:

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023: Căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng sẽ công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường.

- Đối với phương thức xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ):

+ Đã tốt nghiệp THPT;

+ Học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường (mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển):

- Mã trường: **YPB**

- Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển:

Theo bảng tại mục 1.4

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất)

+ Đối với từng ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

+ Với mỗi thí sinh nếu ĐKXT vào nhiều ngành trong trường thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

+ Điểm trúng tuyển được tính riêng theo từng ngành (xét điểm từ cao xuống thấp cho đủ chỉ tiêu).

- Điều kiện phụ trong xét tuyển: đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn:

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Sinh học: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học.

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Vật lý: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Vật lý.

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Tiếng Anh: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Tiếng Anh.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển:

1.7.1 Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023:

- Thời gian đăng ký xét tuyển: Theo kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh năm 2023 của Bộ GD&ĐT.

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có điểm xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường.

- Hình thức đăng ký xét tuyển: Thí sinh đăng ký trực tuyến trên Hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT hoặc cổng dịch vụ công quốc gia theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của các môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng (nếu có). Trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên ưu tiên tiêu chí phụ theo quy định tại mục 1.6, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

1.7.2. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8):

- Điều kiện xét tuyển thẳng: Theo quy định tại mục 1.8.

- Hình thức đăng ký xét tuyển: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc gửi chuyển phát nhanh có bảo đảm.

(Lưu ý: Bên cạnh việc nộp hồ sơ cho Trường, các thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển cần xác nhận nhập học hoặc lựa chọn đăng ký xét tuyển trên hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT trong thời gian quy định)

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đăng ký xét tuyển (Theo mẫu của Bộ GD&ĐT).

+ Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT, giải KHKT quốc gia, giải KHKT quốc tế.

+ Báo cáo đầy đủ và báo cáo tóm tắt đề tài đoạt giải (bản tiếng Việt: đối với những thí sinh đạt giải Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia; Bản tiếng Anh và tiếng Việt: đối với những thí sinh đạt giải Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế).

+ Các giấy tờ minh chứng Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham dự (công văn, quyết định cử tham dự; quyết định khen thưởng...)

+ Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (nếu có).

+ Bản sao công chứng Bài báo quốc tế (nếu có).

+ Bản sao công chứng căn cước công dân.

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 15/6/2023 đến trước 17h00 ngày 30/6/2023

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (Phòng A104, Tầng 1, Nhà A) - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng.

1.7.3. Ưu tiên xét tuyển:

- Điều kiện ưu tiên xét tuyển: Theo quy định tại mục 1.8

- Hình thức đăng ký xét tuyển: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc gửi chuyển phát nhanh có bảo đảm.

(Lưu ý: Bên cạnh việc nộp hồ sơ cho Trường, các thí sinh được ưu tiên xét tuyển cần đăng ký nguyện vọng trực tuyến trên Hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT hoặc cổng dịch vụ công quốc gia trong thời gian quy định)

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đăng ký ưu tiên xét tuyển (Theo mẫu của Bộ GD&ĐT).

+ Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT (đối với các thí sinh đăng ký ưu tiên xét tuyển theo giải HSGQG) hoặc Bản sao công chứng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (đối với các thí sinh đăng ký ưu tiên xét tuyển theo chứng chỉ tiếng Anh quốc tế).

+ Bản sao công chứng căn cước công dân.

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 15/6/2023 đến trước 17h00 ngày 30/6/2023

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (Phòng A104, Tầng 1, Nhà A) - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng.

1.7.4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) đối với ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng:

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT các năm 2021, 2022, 2023 và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại mục 1.5.

- Hình thức đăng ký xét tuyển: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc gửi chuyển phát nhanh có bảo đảm.

(Lưu ý: Bên cạnh việc nộp hồ sơ cho Trường, các thí sinh cần đăng ký nguyện vọng trực tuyến trên Hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT hoặc cổng dịch vụ công quốc gia trong thời gian quy định)

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đăng ký xét tuyển (Theo mẫu của Trường).

+ Bản sao công chứng học bạ THPT.

+ Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT (đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT các năm 2021, 2022).

+ Bản sao công chứng căn cước công dân.

+ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 01/7/2023 đến trước 17h00 ngày 21/7/2023

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (Phòng A104, Tầng 1, Nhà A) - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng.

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm trung bình lớp 12 bậc THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có). Điểm xét tuyển làm tròn đến 2 chữ số thập phân và xét tuyển từ cao xuống thấp theo điểm xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu. Trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên ưu tiên tiêu chí phụ theo quy định tại mục 1.6, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

1.8. Chính sách ưu tiên:

a. Ưu tiên khu vực và đối tượng:

Theo quy định tại điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó:

- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

- Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$Điểm\ ưu\ tiên = [(30 - Tổng\ điểm\ đạt\ được)/7,5] \times Mức\ điểm\ ưu\ tiên\ quy\ định\ tại\ khoản\ 1,\ 2\ điều\ 7 - Quy\ chế\ tuyển\ sinh.$

b. Đối tượng tuyển thẳng:

- Những thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế các môn: Toán học, Hóa học, Sinh học; những thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn: Toán học, Hóa học, Sinh học do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành;

- Những thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; chuyên ngành phù hợp với ngành y, đã tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày 30/6/2023) đạt IELTS 5.0 trở lên hoặc TOEFL iBT 58 trở lên hoặc có bài báo quốc tế được Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của trường xem xét kết quả đề tài, dự án đã đoạt giải để xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành;

- Những thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; chuyên ngành phù hợp với ngành y, đã tốt nghiệp THPT được Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của trường xem xét kết quả đề tài, dự án đã đoạt giải để xét tuyển thẳng vào ngành Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Số lượng tuyển thẳng tối đa 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành. Nếu số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành, nhà trường sẽ xét tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

+ ưu tiên 1: theo thứ tự giải, ưu tiên 2: chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế, ưu tiên 3: điểm tổng kết 3 năm THPT.

c. Đối tượng ưu tiên xét tuyển:

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn: Toán học, Hóa học, Sinh học do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét ưu tiên được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển năm 2023 với mức điểm cộng như sau:

- + Đạt giải nhất: cộng 5.0 điểm
- + Đạt giải nhì: cộng 4.0 điểm
- + Đạt giải ba: cộng 3.0 điểm

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày 30/6/2023) được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển năm 2023 với mức điểm cộng như sau:

TT	IELTS (Do British Council-BC hoặc International Development Program-IDP cấp)	TOEFL iBT (Do Educational Testing Service-ETS cấp)	Điểm cộng
1	7.5 trở lên	96 - 120	3.0
2	6.5 - 7.0	81 - 95	2.0
3	5.0 - 6.0	58 - 80	1.0

*Lưu ý: Trường hợp thí sinh thuộc nhiều nhóm đối tượng được cộng điểm, thí sinh chỉ được hưởng một mức điểm thưởng cao nhất.

d. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực:

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- 20.000 đồng/1 nguyện vọng.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Học phí dự kiến năm học 2023-2024 áp dụng cho khóa tuyển sinh đầu vào năm 2023: Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng/tháng/sinh viên

Y khoa	Răng - Hàm - Mặt	Y học dự phòng	Y học cổ truyền	Dược học	Điều dưỡng	Kỹ thuật XNYH
3.500.000	3.500.000	3.000.000	3.000.000	3.500.000	2.700.000	2.700.000

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Tháng 10/2023 (nếu có)
- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Theo thông báo của trường (nếu có)
- Tuyển sinh bổ sung đợt 3: Theo thông báo của trường (nếu có)

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 231.525.000.000 đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 34.200.000 đồng/sinh viên/năm.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển ngành Y khoa phải có bằng tốt nghiệp Y sĩ
- Thí sinh dự tuyển ngành Dược học phải có bằng tốt nghiệp Dược sĩ cao đẳng

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) lớp 12 theo tổ hợp môn đăng kí xét tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>	<i>(11)</i>
1	Đại học	7720101	Y khoa (từ TC lên ĐH)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	110	12/2001/QĐ-BGDĐT	26/04/2001	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1984
2	Đại học	7720201	Dược học (từ CĐ lên ĐH)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	1242/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYDHP	2020

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Mã trường: **YPB**

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	Hình thức đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ
1	Liên thông chính quy (TC-ĐH)	7720101	Y khoa	110	1. Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	Đạt một trong các tiêu chí sau: - Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên; - Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
2	Liên thông chính quy (CĐ-ĐH)	7720201	Dược học	40	1. Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng đạt loại giỏi trở lên; - Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Thí sinh có đủ điều kiện và đáp ứng yêu cầu của nhà trường được quyền đăng ký xét tuyển.

+ Xét tuyển lần lượt từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển và các tiêu chí phụ theo thứ tự cho đến hết số lượng chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

+ Điểm xét tuyển: là tổng điểm trung bình lớp 12 bậc THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

+ Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau:

Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học, ưu tiên 5: môn Vật lý.

+ Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo:

Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT... sẽ được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh trình độ Đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2023 của Trường.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- 01 phiếu dự tuyển (theo mẫu của Trường) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương nơi cư trú.

- 01 bản sao công chứng các giấy tờ sau (**Có bản chính để đối chiếu**):

+ Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương);

+ Học bạ THPT;

+ Bằng tốt nghiệp Y sĩ đối với thí sinh dự tuyển ngành Y khoa;

+ Bằng tốt nghiệp Dược sĩ cao đẳng đối với thí sinh dự tuyển ngành Dược học;

+ Bảng điểm toàn khóa bậc trung cấp hoặc cao đẳng;

+ Giấy khai sinh.

- Giấy tờ để kiểm tra ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ (nếu có):

+ 01 bản sao công chứng hợp đồng lao động (hợp đồng làm việc) hoặc quyết định tuyển dụng;

+ Giấy xác nhận thâm niên chuyên môn.

- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên (nếu có).

- 04 ảnh chân dung 3x4 chụp mới (không quá 6 tháng).

- 02 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ của thí sinh để nhận giấy báo nếu trúng tuyển.

- Các giấy tờ khác cho từng đối tượng cụ thể được quy định trong thông báo tuyển sinh liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học của nhà trường.

1.8. Chính sách ưu tiên:

a. Ưu tiên khu vực và đối tượng:

Theo quy định tại điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó:

- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

- Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 điều 7- Quy chế tuyển sinh.}$$

b. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo thông báo tuyển sinh trình độ Đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2023 của Trường.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Học phí dự kiến năm học 2023-2024 áp dụng cho khóa tuyển sinh đầu vào năm 2023: Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể:

- Y khoa và Dược học: 3.500.000 đồng/tháng/sinh viên.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh đợt 1: Tháng 07/2023

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Dự kiến tháng 10/2023 (nếu có)

- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Theo thông báo của trường (nếu có)

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- Dự kiến năm 2023, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng sẽ xây dựng đề án tuyển sinh ngành Y khoa hệ liên thông chính quy từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học đào tạo theo nhu cầu xã hội và thông báo cụ thể trên website trường tại địa chỉ: <http://hpmu.edu.vn/>.

- Dự kiến đến năm 2024, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng sẽ tiến hành rà soát, đổi mới chương trình đào tạo ngành Y khoa hệ liên thông chính quy theo hướng tích hợp các học phần/module như chương trình đào tạo hệ chính quy. Thời gian đào tạo dự kiến là 06 năm, khối lượng học tập (tín chỉ) từ 180 - 210 tín chỉ. Chương trình đổi mới sau khi ban hành sẽ được triển khai từ năm học 2024-2025 áp dụng cho các khóa tuyển sinh đầu vào từ năm 2024.

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học:

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/>

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển ngành Điều dưỡng phải có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

- Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

- Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) lớp 12 theo tổ hợp môn đăng kí xét tuyển và điểm TBC toàn khoá bậc cao đẳng.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đại học	7720301	Điều dưỡng (từ CĐ lên ĐH)	500	Sử dụng phương thức khác	40	1243/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYDHP	2018

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Mã trường: **YPB**

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	Hình thức đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ
1	Liên thông VLVH (CĐ-ĐH)	7720301	Điều dưỡng	40	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc cao đẳng	Đạt một trong các tiêu chí sau: - Học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên; - Tốt nghiệp THPT loại khá trở lên hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo; - Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá trở lên.

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Thí sinh có đủ điều kiện và đáp ứng yêu cầu của nhà trường được quyền đăng ký xét tuyển

+ Xét tuyển lần lượt từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển và các tiêu chí phụ theo thứ tự cho đến hết số lượng chỉ tiêu của ngành xét tuyển

+ Điểm xét tuyển: là tổng điểm trung bình lớp 12 bậc THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm trung bình chung toàn khóa bậc cao đẳng, cộng với điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)

+ Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau:

Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học.

+ Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo:

Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT... sẽ được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh trình độ Đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2023 của Trường.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- 01 phiếu dự tuyển (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương nơi cư trú.

- 01 bản sao công chứng các giấy tờ sau (**Có bản chính để đối chiếu**):

+ Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương);

+ Học bạ THPT;

+ Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng đối với thí sinh dự tuyển ngành Điều dưỡng;

+ Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm Y học hoặc bằng tốt nghiệp khối ngành khoa học sức khỏe có chứng chỉ chuyển đổi đối với thí sinh dự tuyển ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học;

+ Bảng điểm toàn khóa bậc cao đẳng;

+ Giấy khai sinh.

- Giấy tờ để kiểm tra ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ (nếu có):

+ 01 bản sao công chứng hợp đồng lao động (hợp đồng làm việc) hoặc quyết định tuyển dụng;

+ Giấy xác nhận thâm niên chuyên môn.

- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên (nếu có).

- 04 ảnh chân dung 3x4 chụp mới (không quá 6 tháng).

- 02 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ của thí sinh để nhận giấy báo nếu trúng tuyển.

- Các giấy tờ khác cho từng đối tượng cụ thể được quy định trong thông báo tuyển sinh liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học của nhà trường.

1.8. Chính sách ưu tiên:

a. *Ưu tiên khu vực và đối tượng*:

Theo quy định tại điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó:

- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

- Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 điều 7- Quy chế tuyển sinh.}$$

b. *Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực*: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo thông báo tuyển sinh trình độ Đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2023 của Trường.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Học phí dự kiến năm học 2023-2024 áp dụng cho khóa tuyển sinh đầu vào năm 2023: Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể:

Điều dưỡng: 4.050.000 đồng/tháng/sinh viên.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh đợt 1: Tháng 07/2023
- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Dự kiến tháng 10/2023 (nếu có)
- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Theo thông báo của trường (nếu có)

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Cán bộ kê khai:

Họ tên: Nguyễn Mạnh Hùng

Số điện thoại: 0937.120.991

Email: nguyenmanhhung129@gmail.com

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS Nguyễn Văn Khải